TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2025/DS-ST.
Ngày: 23 - 6 - 2025.
V/v tranh chấp HĐ vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Tư.

Bà Lê Thị Kiều Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2025/TLST-DS, ngày 13 tháng 3 năm 2025 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2025/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2025/QĐST-DS, ngày 23/5/2025, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Bà Nguyễn Thị Loan T, sinh năm 1986; nơi cư trú: Số nhà 62, đường T, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

- ***Bị đơn***: Ông Đặng Văn N, sinh năm 1964; nơi cư trú: Số nhà H3, đường P, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 02 năm 2025 cùng các lần hòa giải tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Ông N là cậu chồng của bà, bà có cho ông N mượn số tiền 450.000.000 đồng, cụ thể ngày 16/02/2022 ông N mượn số tiền 100.000.000 đồng, ngày 17/10/2022 mượn số tiền 150.000.000 đồng, ngày 17/11/2022 mượn số tiền 200.000.000 đồng, các lần mượn tiền ông N đều có viết biên nhận và ký tên vào biên nhận, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 3%/tháng, ông N vay tiền để làm gì thì bà không biết.

Bà đã giao đủ số tiền 450.000.000 đồng cho ông N, ông N đã trả cho bà được 12.000.000 đồng tiền lãi, ông N đưa tiền mặt cho bà, bà không có viết biên nhận việc ông N trả tiền lãi, ông N không có thế chấp tài sản gì cho bà để đảm bảo cho việc vay tiền của ông N. Ông N không trả tiền lãi cho bà từ năm 2023 đến nay, bà đã nhiều lần yêu cầu ông N trả tiền cho bà nhưng ông N không trả.

Nay bà yêu cầu ông N trả tiền vốn vay 450.000.000 đồng, tiền lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng cụ thể như sau: Số 100.000.000 đồng tính từ ngày 16/02/2022 đến ngày 23/6/2025 là 30.191.781 đồng; số tiền 150.000.000 đồng tính từ ngày 17/10/2022 đến ngày 23/6/2025 là 40.232.877 đồng; số tiền 200.000.000 đồng tính ngày 17/11/2022 đến ngày 23/6/2025 là 51.945.205 đồng, tổng tiền lãi là 122.369.863 đồng, trừ lại số tiền lãi bà đã nhận là 12.000.000 đồng còn lại là 110.369.863 đồng và bà yêu cầu ông N tiếp tục tính tiền lãi cho đến ngày thực hiện xong nghĩa vụ với lãi suất 0,83%/tháng.

- Tại Biên bản hòa giải ngày 21/4/2025 và tại phiên tòa, bị đơn ông N trình bày: Ông thừa nhận có vay của bà T số tiền 450.000.000 đồng, ông vay tiền của bà T nhiều lần và mỗi lần đều có viết biên nhận, biên nhận vay tiền do ông viết và ký tên. Ông mượn tiền của bà T để ông cho vay lại, lãi suất thỏa thuận giữa ông và bà T là 4%/tháng, thỏa thuận lãi suất không lập thành văn bản chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Ông không có thế chấp tài sản gì cho bà T để đảm bảo khoản vay. Ông đã nhận đủ số tiền 450.000.000 đồng của bà T và đã trả tiền lãi cho bà T nhiều lần khoảng 152.000.000 đồng, khi trả tiền lãi thì ông trả tiền mặt cho bà T, ông không có lập thành văn bản việc trả tiền lãi, tiền vốn ông chưa có trả bà chị T.

Nay ông đồng ý trả số tiền 450.000.000 đồng cho bà T, ông không đồng ý việc yêu cầu tính tiền lãi của bà T, nếu tính lãi thì phải trừ lại 152.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Loan T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đặng Văn N trả nợ gốc, lãi theo các biên nhận mà ông N đã ký; ông N có nơi cư trú tại thành phố V. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật được xác định là "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*".

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cùng lời thừa nhận của bị đơn, thì việc ông Đặng Văn N có vay của bà Nguyễn Thị Loan T số tiền 450.000.000 đồng là sự thật, đây là chứng cứ không cần phải chứng minh, nên bà T kiện yêu cầu ông N trả số nợ vay

như đã nêu trên là đúng theo quy định tại các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự. Đồng thời, bà T yêu cầu ông N phải có nghĩa vụ trả lãi với lãi suất 0,83% tháng đối với các khoản vay là đúng quy định có có cơ sở chấp nhận. Như vậy, lãi suất được tính như sau:

- Số tiền 100.000.000 đồng, tính từ ngày 17/6/2022 đến ngày 23/6/2025 = 1.102 ngày. Như vậy, 100.000.000đ x 10%/năm x 1.102 ngày/$_{365}$ = 30.191.781 đồng;

- Số tiền 150.000.000 đồng, tính từ ngày 18/10/2022 đến ngày 23/6/2025 = 979 ngày. Như vậy, 150.000.000đ x 10%/năm x 979 ngày/$_{365}$ = 40.232.877 đồng;

- Số tiền 200.000.000 đồng, tính từ ngày 18/11/2022 đến ngày 23/6/2025 = 948 ngày. Như vậy, 200.000.000đ x 10%/năm x 948 ngày/$_{365}$ = 51.945.205 đồng;

Tổng tiền lãi mà ông N phải trả là 122.369.863 đồng, trừ lại số tiền 12.000.000 đồng mà bà T đã nhận trước đó, thì ông N còn phải trả số tiền lãi là 110.369.863 đồng. Ngoài ra ông N còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí . Tuy nhiên, bị đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Đối với bị đơn cho rằng tiền lãi đã đóng 152.000.000 đồng, nhưng bị đơn không có căn cứ chứng minh, nguyên đơn không thừa nhận, nên không có cơ sở để xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về nội dung:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Loan T. Buộc ông Đặng Văn N có trách nhiện trả cho bà T các khoản tiền như sau:

- Tiền vố vay 450.000.000 đồng (*bốn trăm năm chục triệu đồng*);

- Tiền lãi 110.369.863 đồng *(một trăm mười triệu ba trăm sáu mươi chín ngàn tám trăm sáu mươi ba đồng)*.

Tổng cộng bằng 560.369.863 đồng *(năm trăm sáu mươi triệu ba trăm sáu mươi chín ngàn tám trăm sáu mươi ba đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Ông Đặng Văn N được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Loan T không phải chịu án phí, số tiền tạm ứng án phí 12.885.000 đồng (*mười hai triệu tám trăm tám mươi tám ngàn đồng*) bà T nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, theo biên lai thu tiền số 0007704 ngày 27/02/2025 được hoàn trả lại cho bà T.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Hồ Thanh Hồng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND thành phố V;
- CC THADS thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.